

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Kim Nhung
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Lệ Thủy

Ông Nguyễn Văn Đích

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Tín - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/08/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2024 ngày 29/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị V**, sinh năm: 1957; Địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Lê Võ Thanh H**, Trưởng chi nhánh Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có đơn xin xử. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Lý Đắc P**, sinh năm: 1957; Địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Huỳnh Thị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lý Đắc P sau một thời gian dài tìm hiểu thì đi đến kết hôn. Vợ chồng tôi đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 11/03/1987 theo quy định của pháp luật. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi mua đất xây nhà sinh sống tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống ông P tỏ ra thiếu tôn trọng tôi, không ủng hộ tôi trong việc quyết định mọi việc lớn nhỏ trong gia đình, kinh tế không rõ ràng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi vã. Quan điểm về cuộc sống không đồng nhất dẫn đến không thể nói chuyện, không quan tâm chia sẻ với nhau. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng tôi đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn để đoàn tụ. Nay, tôi xin được ly hôn đối với ông Lý Đắc P.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung tên: Lý Đắc Tĩnh, sinh ngày 14 tháng 2 năm 1988 và Lý Thục Diễm T1, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1992. Đối với Lý Đắc T và Lý Thục Diễm T1 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là 01 nhà và đất tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 464489 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ cấp ngày 08/03/2024. Ly hôn, tôi có nguyện vọng chia 50/50 giá trị tài sản chung trên.

Đối với giá trị nhà và đất tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Chứng thư thẩm định giá số: 430/2024/276 ngày 29/7/2024 của Công ty Cổ phần T2: 5.281.877.484 đồng (Năm tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi tư đồng) thì tôi thống nhất không có ý kiến gì. Tôi có nguyện vọng nhận nhà đất và bồi trả cho ông P số tiền tương ứng với một nửa giá trị tài sản là: 2.640.938.742 đồng (Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng).

- Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có nợ chung

** Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn ông Lý Đắc P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày của vợ tôi về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nơi ở sau khi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tuy nhiên theo tôi những

mâu thuẫn đó là nhỏ nhất không đáng để vợ tôi phải nộp đơn yêu cầu Tòa án cho ly hôn với tôi. Mong muốn của tôi là vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc nhau đến cuối đời. Do đó tôi không đồng ý với yêu cầu ly hôn của vợ tôi.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác định vợ chồng tôi có 02 con chung tên: Lý Đắc T, sinh ngày 14 tháng 2 năm 1988 và Lý Thục Diễm T1, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1992. Đối với Lý Đắc T và Lý Thục Diễm T1 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng tôi có tài sản chung là: 01 nhà và đất tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 464489 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ cấp ngày 08/03/2024. Đối với giá trị nhà và đất tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Chứng thư thẩm định giá số: 430/2024/276 ngày 29/7/2024 của Công ty Cổ phần T3 là: 5.281.877.484 đồng (Năm tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi tư đồng) thì tôi thống nhất không có ý kiến gì.

Vì tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không đồng ý chia tài sản chung. Tuy nhiên, nếu phải ly hôn thì tôi thống nhất với nguyện vọng của bà V là giao nhà và đất tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng cho bà V quản lý và sử dụng. Yêu cầu bà V thôi lại cho tôi số tiền tương ứng với 01 nửa giá trị nhà và đất trên là: 2.640.938.742 đồng (Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng).

- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

* Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Lê Võ Thanh H vắng mặt nhưng tại bản luận cứ bào chữa, luật sư thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn. Luật sư đề nghị Hội đồng cho bà V được ly hôn với ông P. Về tài sản chung đề nghị giao nhà và đất tại địa chỉ K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng cho bà V quản lý và sử dụng, định đoạt. Bà V thôi lại cho ông P số tiền tương ứng với 01 nửa giá trị nhà và đất trên là: 2.640.938.742 đồng (Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng).

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung*" của bà Huỳnh Thị V đối với Ông Lý Đắc P;

- Về con chung: Vợ chồng bà V và ông P có 02 con chung tên: Lý Đắc T, sinh ngày 14 tháng 2 năm 1988 và Lý Thục Diễm T1, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1992. Đối với Lý Đắc T và Lý Thục Diễm T1 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Giao nhà và đất tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng cho bà Huỳnh Thị V quản lý và sử dụng, định đoạt. Bà V có trách nhiệm bồi trả lại cho ông P số tiền tương ứng với một nửa giá trị nhà và đất trên là: 2.640.938.742 đồng (Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng).

Bà Huỳnh Thị V có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sử dụng và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất nêu trên theo đúng quy định pháp luật.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị V và ông Lý Đắc P xác định không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp ly hôn giữa bà V, ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Bà Huỳnh Thị V, ông Lý Đắc P xây dựng gia đình vào năm 1987 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà V khai rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống ông P tỏ ra thiếu tôn trọng bà V, vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi vã. Quan điểm về cuộc sống không đồng nhất. Bà V xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn để đoàn tụ nên xin được ly hôn với ông Lý Đắc P. Còn

bị đơn ông Lý Đắc P cho rằng giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà V thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự chung thủy, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Mặc dù, ông P khai rằng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Bà V trình bày, quan điểm về cuộc sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn của vợ chồng đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn trong gia đình, kinh tế không rõ ràng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương thì được chính quyền địa phương phường M, quận S cung cấp, vợ chồng ông P và bà V sống khép kín, mâu thuẫn của vợ chồng địa phương không nắm rõ, chỉ biết tuy ông bà ở chung một nhà nhưng phần ai nấy sống đã từ nhiều năm nay.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở nhận cho bà V được ly hôn ông P là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà V, ông P xác định vợ chồng có 02 con chung tên: Lý Đắc T, sinh ngày 14 tháng 2 năm 1988 và Lý Thục Diễm T1, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1992. Đối với Lý Đắc T và Lý Thục Diễm T1 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các bên đương sự thống nhất có tài sản chung là: 01 nhà và đất tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng tại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 464489 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ cấp ngày 08/03/2024.

Đối với giá trị nhà và đất tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Chứng thư thẩm định giá số: 430/2024/276 ngày 29/7/2024 của Công ty Cổ phần T3 là: 5.281.877.484 đồng (Năm tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi tư đồng) thì bà V, ông P thống nhất không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông P và bà V đều thống nhất về kết quả định giá và lấy kết quả định giá để làm cơ sở chia tài sản chung theo tỷ lệ 50/50 đồng thời giao nhà giao nhà và đất tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng cho bà V quản lý và sử dụng, định đoạt. Bà V thối trả lại cho ông P số tiền tương ứng với một nửa giá trị nhà và đất trên là: 2.640.938.742 đồng (Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng).

[7] Về nợ chung: Bà V, ông P xác định không có.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Các đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung" của bà Huỳnh Thị V đối với Ông Lý Đắc P.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị V được ly hôn với ông Lý Đắc P. Do chấp nhận ly hôn của bà V đối với ông P nên Giấy chứng nhận kết hôn số 449 do UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 11/03/1987 theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Bà V, ông P xác định vợ chồng có 02 con chung tên: Lý Đắc T, sinh ngày 14 tháng 2 năm 1988 và Lý Thục Diễm T1, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1992. Đối với Lý Đắc T và Lý Thục Diễm T1 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Giao nhà và đất tại địa chỉ: K N, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng cho bà Huỳnh Thị V quản lý và sử dụng, định đoạt. Bà V có trách nhiệm bồi trả lại cho ông P số tiền tương ứng với một nửa giá trị nhà và đất trên là: 2.640.938.742 đồng (Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng).

Bà Huỳnh Thị V có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sử dụng và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất nêu trên theo đúng quy định pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Ông Lý Đắc P và bà Huỳnh Thị V xác định vợ chồng không có nợ chung.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung